

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học
hình thức đào tạo chính quy, đợt 2, năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Quyết định số 180/QĐ-ĐHTN ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-ĐHTN ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023;

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng tuyển sinh ngày 15/9/2023;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo các phương thức xét tuyển, đợt 2, năm 2023 (trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh căn cứ điểm trúng tuyển quy định tại Điều 1 để xác định và ban hành quyết định công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 3. Thường trực Hội đồng tuyển sinh, Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(T.3b)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

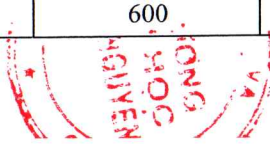


Phụ lục

DANH SÁCH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN THEO NGÀNH, ĐỢT 2, NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1618/QĐ-ĐHTN Ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm trúng tuyển theo các phương thức			Điều kiện phụ trong tuyển sinh (nếu có)
			Điểm thi THPT	Điểm ĐGNL	Điểm học bạ	
1	7140201	Giáo dục Mầm non	22.1	700	23	Điểm các môn năng khiếu ≥ 5.0 trở lên; Điểm môn văn hóa+(điểm ưu tiên)/3 ≥ 6.33 (nếu xét bằng điểm thi tốt nghiệp THPT)
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	25.35	700	27.75	
3	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	24.5	700	26.5	
4	7140205	Giáo dục Chính trị	25	700	26	
5	7140206	Giáo dục Thể chất	23.75	600	25	Điểm các môn năng khiếu ≥ 5.0 trở lên; Điểm môn văn hóa+(điểm ưu tiên)/3 ≥ 6 (nếu xét bằng điểm thi tốt nghiệp THPT)
6	7140211	Sư phạm Vật lý	23.65	700	25.9	
7	7140212	Sư phạm Hóa học	25.75	700	26.55	
8	7140213	Sư phạm Sinh học	23.75	700	25	
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	26	700	27.5	
10	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	25.55	750	27.55	Điểm môn Tiếng Anh theo phương thức xét điểm thi THPT và xét học bạ ≥ 6.0
11	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	23.25	700	25	
12	7229001	Triết học	15	600	18	
13	7229030	Văn học	15	600	18	
14	7310101	Kinh tế	18	600	20.75	
15	7310105	Kinh tế phát triển	15	600	18	
16	7340201	Tài chính - Ngân hàng	19.75	600	22.65	
17	7340301	Kế toán	18.95	600	21.35	
18	7420201	Công nghệ sinh học	15	600	18	
19	7480201	Công nghệ thông tin	18.75	600	22.75	
20	7540101	Công nghệ thực phẩm	15	600	18	
21	7620105	Chăn nuôi	15	600	18	
22	7620110	Khoa học cây trồng	15	600	18	
23	7620112	Bảo vệ thực vật	15	600	18	



DL

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm trúng tuyển theo các phương thức			Điều kiện phụ trong tuyển sinh (nếu có)
			Điểm thi THPT	Điểm ĐGNL	Điểm học bạ	
24	7620115	Kinh tế nông nghiệp	15	600	18	
25	7620205	Lâm sinh	15	600	18	
26	7640101	Thú y	15	600	18	
27	7720301	Điều dưỡng	21.5	700	24.6	
28	7850103	Quản lí đất đai	15	600	18	

Thang điểm xét tuyển:

- Đối với phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT và xét học bạ: Thang điểm 30
- Đối với phương thức xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh: Thang điểm 1.200

Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

Ngoài các điều kiện về điểm quy định ở bảng trên, thí sinh phải có học lực hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành

